

CHÍNH PHỦ
Số: 131/2008/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, việc thành lập, giải thể, quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư.
- Nghị định này áp dụng đối với Đoàn luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư

- Tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trong phạm vi toàn quốc để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư; thực hiện chức năng tự quản của luật sư nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ luật sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn cao,

góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

2. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư và Điều lệ của tổ chức mình.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.
2. Tuân theo Điều lệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật.
3. Kết hợp chức năng tự quản với quản lý nhà nước.
4. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
5. Tự chủ về tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà nước

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ về cơ sở vật chất ban đầu cho tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển đội ngũ luật sư, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư.
2. Lợi dụng danh nghĩa của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II

ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 6. Địa vị pháp lý của Đoàn luật sư

1. Đoàn luật sư là tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư được thành lập tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Đoàn luật sư là thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Đoàn luật sư có Điều lệ để điều chỉnh các quan hệ nội bộ của Đoàn. Điều lệ Đoàn luật sư không được trái với Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập Đoàn luật sư

1. Tôn chỉ, mục đích hoạt động không trái Hiến pháp, pháp luật.

2. Có từ ba người sáng lập có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Có phương án về cơ cấu tổ chức, Điều lệ.

Điều 8. Thủ tục cho phép thành lập Đoàn luật sư

1. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập Đoàn luật sư;

b) Dự thảo Điều lệ Đoàn luật sư;

c) Dự thảo Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;

d) Đề án tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư;

đ) Danh sách thành viên Đoàn luật sư kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư.

2. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư do những người sáng lập Đoàn luật sư lập và gửi đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về việc cho phép thành lập Đoàn luật sư.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tư pháp về việc thành lập Đoàn luật sư tại địa phương. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ

ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có văn bản về việc thành lập Đoàn luật sư.

Sau khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đại hội thành lập Đoàn luật sư

1. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư có hiệu lực, những người sáng lập Đoàn luật sư phải tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư; nếu quá thời hạn này mà không tổ chức Đại hội thì quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư không còn hiệu lực.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

- a) Công bố quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư;
- b) Thảo luận và biểu quyết thông qua Điều lệ Đoàn luật sư;
- c) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật;
- d) Thông qua Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;
- đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả Đại hội thành lập Đoàn luật sư phải được phê chuẩn theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 10. Phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư

1. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ Đoàn luật sư được thông qua, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi Sở Tư pháp hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt Điều lệ;
- b) Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ;
- c) Nghị quyết Đại hội;
- d) Văn bản nhất trí của Liên đoàn luật sư Việt Nam về nội dung Điều lệ.

2. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Điều lệ Đoàn luật sư bị từ chối phê duyệt trong các trường hợp sau đây:

- a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp và pháp luật;
- b) Có nội dung không phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- c) Quy trình, thủ tục thông qua Điều lệ không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

4. Trong trường hợp Điều lệ Đoàn luật sư bị từ chối phê duyệt thì Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi nội dung Điều lệ hoặc tổ chức lại Đại hội để thông qua Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

5. Khi có sự sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Đoàn luật sư thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thông qua, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi Sở Tư pháp văn bản đề nghị kèm theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung, biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Nghị quyết Đại hội.

Việc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Điều này.

6. Điều lệ Đoàn luật sư có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 11. Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn luật sư

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư (sau đây gọi chung là Đại hội luật sư) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư. Nhiệm kỳ Đại hội luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định nhưng không quá 5 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

2. Đại hội luật sư được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số thành viên của Đoàn luật sư hoặc hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham gia.

Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết của Đại hội luật sư phải được quá một phần hai số đại biểu chính thức có mặt tán thành.